

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/DS-ST

Ngày: 29-6-2020

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình;

Ông Đinh Hữu Cải.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Thân Thị Trang Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Trung THnh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2020/TLST-DS, ngày 08 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thu H, sinh năm 1972; nơi cư trú: Số 43A đường Đ, khu phố L, phường T, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Trương Thị H, sinh năm 1967; nơi cư trú: Số 194, ấp H, xã TH, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 01 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thu H trình bày:

Chị và bà Trương Thị H có quan hệ mua bán củi cao su nhiều năm. Vào ngày 01-4-2019 chị có chuyển khoản cho bà H số tiền 100.000.000 đồng, mục đích để mua củi cao su, nhưng không lập văn bản mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói, sau khi chuyển tiền thì bà H không giao củi cho chị như đã thỏa thuận, với lý do mua cây cao su cắt bao bì bị lỗi nên không có củi giao cho chị.

Ngày 04-9-2019 chị có đến nhà bà H để thương lượng, nhưng không gặp bà H. Chị có điện thoại nói chuyện với bà H thỏa thuận chốt lại số tiền nợ, bà H có nhờ con trai bà tên Trần Đình T, ký giấy xác nhận nợ do chị viết với số tiền 120.000.000 đồng; trong đó, tiền nợ ngày 01-4-2019 là 100.000.000 đồng, tiền nợ các lần trước đó 20.000.000 đồng.

Từ khi bà H thừa nhận số tiền nợ trên, chị nhiều lần yêu cầu bà H trả nợ nhưng đến nay không trả số tiền nào, mà cố tình tránh né. Do đó, nay chị yêu cầu một mình bà H có trách nhiệm trả cho chị số tiền nợ 120.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi suất.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10-3-2020, bà Trương Thị H có ý kiến đối với yêu cầu nguyên đơn như sau:

Bà với chị Phạm Thu H chỉ quen biết nhau trong công việc, bà thừa nhận ngày 01-4-2019 chị H có chuyển vào tài khoản của bà số tiền 100.000.000 đồng, mục đích mua củi cao su, nhưng không lập văn bản mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói, do làm ăn thua lỗ nên không có củi giao cho chị H. Đến ngày 04-9-2019 chị H có đến nhà tìm bà nhưng không gặp mà gặp con bà tên Trần Đình T. Tại thời điểm này, thông qua điện thoại bà có thừa nhận còn nợ chị H số tiền 120.000.000 đồng; trong đó, tiền nợ gốc 100.000.000 đồng, tiền lãi 20.000.000 đồng và nhờ T ký vào giấy nhận nợ do chị H viết, số tiền nợ này không liên quan đến T. Đối với tiền lãi 20.000.000 đồng, do bà với chị H nói chuyện điện thoại với nhau, ngoài ra không có chứng cứ gì chứng minh.

Từ ngày 04-9-2019 đến nay bà chưa trả cho chị H số tiền nào theo giấy xác nhận nợ do T ký xác nhận, nay chị H yêu cầu bà trả số tiền 120.000.000 đồng thì bà đồng ý, nhưng xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, thời gian trả tính từ ngày 30-3-2020 âm lịch; không đồng ý trả thêm tiền lãi.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Bà Trương Thị H là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt bà H là phù hợp theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ tranh chấp: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H và bà H thừa nhận số tiền tranh chấp trong vụ án này là tiền mua bán củi cao su. Tuy nhiên, theo thông báo thụ lý số 10/TB-TLVA, ngày 08-01-2020 ghi quan hệ tranh chấp vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản là chưa phù hợp. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự và Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là

hợp đồng dân sự, do đó quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản chứ không phải tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được Thẩm phán công khai khi giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa thì yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thu H là có cơ sở chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 430 của Bộ luật Dân sự; các Điều 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thu H đối với bà Trương Thị H về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Buộc bà Trương Thị H có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thu H số tiền nợ 120.000.000 đồng, ghi nhận chị H không yêu cầu tính tiền lãi.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị H phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự có mặt của đương sự: Bà Trương Thị H là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Theo thông báo thụ lý số 10/TB-TLVA, ngày 08-01-2020 thì quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tuy nhiên trong quá trình làm việc chị H và bà H cho rằng số tiền nợ ghi trong giấy xác nhận nợ ngày 04-9-2019 là tiền hai bên giao dịch mua bán cây củi cao su. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự và Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là hợp đồng dân sự; do đó quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản chứ không phải tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét thấy, chị Phạm Thu H khởi kiện yêu cầu một mình bà Trương Thị H có nghĩa vụ trả lại số tiền nợ 120.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi. Trong quá trình giải quyết vụ án bà H thừa nhận có nợ chị H số tiền 120.000.000 đồng (trống đó có 20.000.000 đồng tiền lãi), bà đồng ý trả số tiền này cho chị H, nhưng xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị H, Hội đồng xét xử nhận định: Khi khởi kiện chị H cung cấp chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là giấy xác nhận nợ, ghi ngày 04-9-2019 có nội dung “*Hôm nay ngày 04-9-2019 (DL)*,”

chị Trương Thị H có mượn của em Phạm Thu H số tiền 120.000.000 đồng và chị hứa đến ngày 04-10-2019 DL sẽ hoàn trả số tiền mượn trên” (bút lục số 29) và 01 Giấy nộp tiền ghi ngày 01-4-2019 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (bút lục số 28), các chứng cứ này cũng đã được Tòa án công khai, bà H cũng thừa nhận số tiền ghi trong chứng cứ trên là đúng nên căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là chứng cứ hợp pháp dùng để giải quyết vụ án.

[3] Xét thấy, khi giải quyết vụ án các bên đều thừa nhận giữa chị H với bà H có giao kết hợp đồng mua bán củi cao su bằng lời nói, khi giao kết hợp đồng hai bên thỏa thuận bà H giao củi cao su cho chị H và chị H có nghĩa vụ trả tiền tương ứng với số củi bà H giao. Ngày 01-4-2019 chị H giao cho bà H số tiền 100.000.000 đồng bằng hình thức chuyển vào tài khoản của bà H, tuy nhiên bà H không giao củi cao su cho chị H như đã thỏa thuận. Như vậy bà H đã vi phạm nghĩa vụ giao củi cho chị H nên chị H khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản là có căn cứ chấp nhận và phù hợp với quy định tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H thừa nhận còn nợ chị H số tiền 120.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này nên hội đồng xét xử ghi nhận.

Xét lời trình bày của bà H cho rằng, trong số tiền nợ 120.000.000 đồng, có 20.000.000 đồng tiền lãi nhưng không được chị H thừa nhận, bà H cũng không cung cấp được chứng cứ, chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận. Tại biên bản lấy lời khai ngày 10-3-2020, bà H đồng ý trả cho chị H số tiền 120.000.000 đồng nhưng trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, tại phiên tòa chị H không đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận.

[4] Từ những nhận định trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thu H đối với bà Trương Thị H về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Buộc bà Trương Thị H có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thu H số tiền nợ 120.000.000 đồng. Ghi nhận chị H không yêu cầu bà H trả tiền lãi.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 430 và Điều 437 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thu H đối với bà Trương Thị H về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Buộc bà Trương Thị H có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thu H số tiền nợ 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu)

đồng. Ghi nhận chị H không yêu cầu bà H phải trả tiền lãi và không yêu cầu ai khác cùng bà H có nghĩa vụ trả số tiền nợ trên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị H phải chịu 6.000.000 (sáu triệu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Phạm Thu H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 3.000.000 (ba triệu) đồng tại biên lai thu số 0000268 ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thu H có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Trương Thị H có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh (Phòng KT-NV);
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC.THADS huyện Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thanh Quốc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Quốc